TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST-HNGĐ	*Bảo Lạc, ngày 10 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Triệu Văn C**, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm NĐ, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Chị **Hoàng Thị V**, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm NĐ, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V thống nhất thỏa thuận:

Giao con chung là cháu Triệu Thanh N, sinh ngày 24/8/2006 cho anh Triệu Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18

tuổi; Chị V không cấp dưỡng nuôi cháu N.

Giao con chung là cháu Triệu Bích H, sinh ngày 24/01/2008 cho chị Hoàng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H với số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng)/01 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, tính từ ngày có Quyết định thuận tình ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được phép cản trở.

2.3 Về tài sản: Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V thống nhất thỏa thuận:

* Anh Triệu Văn C được quyền quản lý và sử dụng:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 553728, số vào sổ cấp GCN: CS 00836 bao gồm thửa đất số 52, tờ bản đồ số: 141; Địa chỉ: NĐ, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Diện tích: 423,6 m^2 (Đất ở tại nông thôn). Trên thửa đất số 52 có 01 (Một) ngôi nhà sàn làm bằng gỗ tạp, anh C quản lý và sử dụng ngôi nhà này và có trách nhiệm thanh toán cho chị V số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 413834, số vào sổ cấp GCN: CH 00834 ngày 15/6/2016 bao gồm thửa đất số 399, diện tích 125,7 m^2; thửa đất số 405, diện tích 124,9 m^2; thửa đất số 406, diện tích 133,4 m^2; thửa đất số 407, diện tích 113,4 m^2; thửa đất số 409, diện tích 77,5 m^2; thửa đất số 410, diện tích 13,9 m^2; thửa đất số 423, diện tích 108,2 m^2; thửa đất số 424, diện tích 135,8 m^2. Tất cả các thửa đất này thuộc tờ bản đồ 148; Địa chỉ: Xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Tổng diện tích 832,8 m^2.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 413835, số vào sổ cấp GCN: CH 00835 ngày 15/6/2016 bao gồm:

+ Thửa đất số 425, diện tích 107,4 m^2; thửa đất số 426, diện tích 101,6 m^2; thửa đất số 427, diện tích 57,5 m^2; các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 148, loại đất trồng lúa nước.

+ Thửa đất số 284, diện tích 3915,9 m^2; thuộc tờ bản đồ 149, loại đất trồng cây hàng năm khác.

+ Thửa đất số 07, diện tích 141,5 m^2; thửa đất số 08, diện tích 194,8 m^2; thửa đất số 22, diện tích 461,0 m^2; thửa đất số 32, diện tích 72,5 m^2; các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 156, loại đất trồng lúa nước.

* Chị Hoàng Thị V được quyền quản lý và sử dụng:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 413833, số vào sổ cấp GCN: CH 00833 ngày 15/6/2016 bao gồm:

+ Thửa đất số 90, diện tích 602,3 m^2; thuộc tờ bản đồ số 133, loại đất trồng lúa nước.

+ Thửa đất số 38, diện tích 259,2 m^2; thửa đất số 45, diện tích 165,6 m^2; các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 141, loại đất trồng lúa nước.

+ Thửa đất số 46, diện tích 115,2 m^2; thửa đất số 51, diện tích 122,8 m^2; Thửa đất số 53, diện tích 229,6 m^2; thuộc tờ bản đồ 141, loại đất trồng cây lâu năm.

+ Thửa đất số 15, diện tích 547,5 m^2; thuộc tờ bản đồ số 142, loại đất trồng cây hàng năm.

+ Thửa đất số 398, diện tích 195,7 m^2; thuộc tờ bản đồ số 148, loại đất trồng lúa nước.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 413837, số vào sổ cấp GCN: CS 00837 ngày 15/6/2016 bao gồm: Thửa đất số 401, diện tích 134,7 m^2; thửa đất số 408, diện tích 286,0 m^2; các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 148, loại đất trồng lúa nước.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 553655, số vào sổ cấp GCN: CH 03021 ngày 15/6/2016 bao gồm: Thửa đất số 12, diện tích 55,5 m^2; thửa đất số 13, diện tích 99,1 m^2; các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 156, loại đất trồng lúa nước.

* Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.4 Về thỏa thuận khác: Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V thống nhất thỏa thuận:

Anh Triệu Văn C tự nguyện thanh toán cho chị Hoàng Thị V một khoản tiền bán 02 (Hai) con bò là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

2.5 Về án phí:

Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V thống nhất thỏa thuận: Mỗi người tự nguyện nộp phần án phí ly hôn sơ thẩm của bản thân.

Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V thống nhất thỏa thuận: Anh Triệu Văn C tự nguyện nộp toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V thống nhất thỏa thuận: Chị Hoàng Thị V tự nguyện nộp toàn bộ án phí về phần tài sản.

Anh Triệu Văn C và chị Hoàng Thị V phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Triệu Văn C phải chịu 50% án phí cấp dưỡng nuôi con; Chị Hoàng Thị V phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Triệu Văn C phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi năm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước.

Anh Triệu Văn C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001252 ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Anh Triệu Văn C được trả lại 75.000 đồng (Bảy mươi năm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Hoàng Thị V phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi năm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và [(30.000.000 đồng + 18.000.000 đồng) x 5%] x 50% = 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước. Tổng án phí chị Hoàng Thị V phải nộp là 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Bảo Lạc;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lạc;
- UBND xã HT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thùy Ngân